

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 05 ngày 03 tháng 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Tâm lý học, mã số ngành: 9310401.

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Tâm lý học ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho nghiên cứu sinh từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức – Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng khoa Tâm lý học và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Hoàng Anh Tuấn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

NGÀNH: TÂM LÝ HỌC
MÃ SỐ : 9310401

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2905/QĐ-XHNV ngày 10 tháng 8 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Tâm lý học

+ Tiếng Anh: Psychology

- Mã số ngành đào tạo: 9310401

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Thời gian đào tạo: 03 năm đối với người có bằng thạc sĩ, 04 năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học.

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Tâm lý học

+ Tiếng Anh: Doctor of Philosophy in Psychology

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo bậc tiến sĩ chuyên ngành Tâm lý học có mục tiêu chung là đào tạo những chuyên gia có trình độ cao, có kiến thức chuyên sâu về một lĩnh vực của tâm lý học, đáp ứng tốt các yêu cầu về giảng dạy, nghiên cứu và ứng dụng tâm lý học

trong xã hội hiện đại.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

Đào tạo các chuyên gia có kiến thức chuyên môn chuyên sâu trong lĩnh vực tâm lý học; có khả năng đánh giá, tổng hợp và vận dụng sáng tạo, hiệu quả các kiến thức trong lĩnh vực tâm lý học để phát hiện và giải quyết những vấn đề lý thuyết và thực tiễn có liên quan.

2.2.2. Về kỹ năng

- Có năng lực nghiên cứu khoa học độc lập.
- Có khả năng tổ chức và triển khai các mạng lưới, các nhóm nghiên cứu.
- Có năng lực tham gia các diễn đàn khoa học, đối thoại học thuật.

2.2.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực tự học, cập nhật kiến thức và phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên ngành; Có năng lực thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt người khác trong lĩnh vực tâm lý học.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển thông qua đánh giá hồ sơ chuyên môn theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

3.2. Đối tượng dự tuyển

3.2.1. Yêu cầu về văn bằng

Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành/chuyên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành/chuyên ngành Tâm lý học. Trường hợp thí sinh phải học bổ sung kiến thức thì cần hoàn thành trước khi đăng ký dự tuyển. Cụ thể, đối tượng tuyển sinh cần đáp ứng một trong những điều kiện sau đây về văn bằng:

- Có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành/chuyên ngành phù hợp 1;
- Có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác (nếu có).

- Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3.2.2. Yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm nghiên cứu

- Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng kí dự tuyển.

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu và các công trình công bố theo quy định đơn vị đào tạo (nếu có). Riêng các thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học. Công bố khoa học có thể là bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc báo cáo khoa học đăng tại kỳ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.

- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lý do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lý do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn.

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

+ Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

+ Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt

động nghiên cứu của nghiên cứu sinh (nếu có).

+ Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

3.2.3. Yêu cầu về ngoại ngữ

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

+ Chứng chỉ ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự tuyển được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN chấp nhận.

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy chuẩn của chương trình đào tạo (nếu có), trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

3.2.4. Yêu cầu khác

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

3.3. Danh mục ngành/chuyên ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức

3.3.1. Danh mục ngành/chuyên ngành phù hợp

- Ngành phù hợp 1: Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục.
- Ngành phù hợp 2: Công tác xã hội, Xã hội học, Quản lý giáo dục, Giáo dục đặc biệt.
- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành; báo cáo ĐHQGHN trước khi tuyển sinh và chịu trách nhiệm về việc đánh giá chuyên môn này.

3.3.2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức với đối tượng ngành phù hợp 2

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
I	Các học phần bắt buộc	6
1	Thiết kế nghiên cứu trong tâm lý học	3
2	Tổng quan tài liệu	3
II	Các học phần tự chọn	3/21
3	Đạo đức nghề tâm lý	3
4	Tâm lý học xuyên văn hóa	3
5	Kỹ năng tham vấn	3
6	Tâm lý học xã hội ứng dụng	3
7	Động thái nhóm và lãnh đạo	3
8	Sự phát triển tư duy và ngôn ngữ trẻ em	3
9	Tâm lý học quản lý nhân sự	3
Tổng		9

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh

Theo chỉ tiêu được ĐHQGHN cấp hàng năm (dự kiến từ 3-5 NCS/ 1 năm).

Kế hoạch tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và đề án tuyển sinh của đơn vị được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Yêu cầu đối với luận án

- Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng trí thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án;

- Luận án được viết bằng tiếng Việt, sử dụng chữ thuộc mã Unicode, loại chữ Times New Roman, cỡ chữ 13, độ dài không quá 300 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có cam đoan của nghiên cứu sinh về nội dung luận án, ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh. Bản tóm tắt luận án phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của luận án, phải ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án. Bản thông tin luận án khoảng 3 đến 5 trang (300 đến 500 chữ) bằng tiếng Việt và tiếng Anh trình bày tóm tắt những nội dung cơ bản, những nội dung mới và những kết quả nghiên cứu và đóng góp quan trọng nhất của luận án;

- Có cam đoan và chữ ký của nghiên cứu sinh về nội dung luận án;

- Cấu trúc của luận án tiến sĩ phải đảm bảo tối thiểu có các phần sau:

+ Mở đầu: giới thiệu tóm tắt về công trình nghiên cứu, lý do lựa chọn đề tài, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa khoa học hoặc thực tiễn của đề tài;

+ Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề mà luận án sẽ tập trung giải quyết, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu;

+ Cơ sở lý thuyết, lý luận và giả thuyết khoa học; phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu và phân tích đánh giá;

+ Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;

+ Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án;

+ Danh mục các công trình/bài báo đã công bố liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh kèm theo văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có);

- Tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ; Kết quả nghiên cứu trong luận án phải là kết quả lao động của chính nghiên cứu sinh thu được chủ yếu trong thời gian đào tạo. Nếu sử dụng kết quả, tài liệu của người khác thì phải được tác giả đồng ý và trích dẫn tường minh. Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó nghiên cứu sinh đóng góp phần chính thì phải xuất trình các văn bản thể hiện sự nhất trí của các thành viên trong tập thể đó đồng ý cho nghiên cứu sinh sử dụng kết quả chung của tập thể để viết luận án;

- Luận án và tất cả các công trình nghiên cứu khoa học trước khi gửi xuất bản, công bố hoặc bảo vệ phải được kiểm tra sao chép, trùng lặp;

2. Yêu cầu về năng lực nghiên cứu

Trong thời gian làm nghiên cứu sinh, nghiên cứu sinh cần công bố kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành với vai trò là tác giả chính (tác giả tên đầu/tác giả liên hệ), có tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả). Các công bố quốc tế phải được viết bằng tiếng nước ngoài, các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước phải thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm và đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus);

- Có 01 bằng phát minh sáng chế/giải pháp hữu ích đã được cấp và tối thiểu 01 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN;

- Có tối thiểu 02 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN.

3. Chuẩn đầu ra về kiến thức

- **PLO 1:** Thiết lập được hệ thống kiến thức chuyên sâu về một trong các chuyên ngành Tâm lý học thể hiện qua luận án tiến sĩ như tâm lý học xã hội, tâm lý học quản lý-kinh doanh, tâm lý lâm sàng, tâm lý học tham vấn, tâm lý học phát triển, tâm lý học giáo dục, v.v.

- **PLO 2:** Vận dụng tổng hợp các kiến thức về tổ chức và phương pháp để giải quyết một vấn đề mới trong tâm lý học.

4. Chuẩn đầu ra về kĩ năng

- **PLO 3:** Thành thạo trong tổng quan tài liệu và thao tác hóa các khái niệm khoa học.

- **PLO 4:** Có khả năng viết và công bố bài báo khoa học đáp ứng tốt yêu cầu học thuật.

- **PLO 5:** Sử dụng thành thạo một số phần mềm xử lý dữ liệu.

5. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm

- **PLO 6:** Tuân thủ nghiêm túc các nguyên tắc đạo đức trong giảng dạy, nghiên cứu và thực hành tâm lý học.

- **PLO 7:** Có tư chất của một chuyên gia trong lĩnh vực tâm lý, chuyên nghiệp, trung thực và sáng tạo trong khoa học và trong thực hành tâm lý học.

- **PLO 8:** Có khả năng thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác trong lĩnh vực chuyên môn tâm lý học.

6. Vị trí việc làm mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Giảng dạy Tâm lý học tại các cơ sở giáo dục- đào tạo.

- Nghiên cứu Tâm lý học trong các Viện, Trung tâm nghiên cứu và các tổ chức liên quan.

- Tham vấn, trị liệu, dự phòng các vấn đề sức khỏe tâm thần và cung ứng dịch vụ tâm lý học.

- Quản lý nhân sự, quản lý kinh doanh, tổ chức lao động - việc làm.

- Tư vấn, quản lý các chương trình, dự án phát triển cộng đồng.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Người học có thể nâng cao trình độ, năng lực nghiên cứu tại các vị trí nghiên cứu sau tiến sĩ hoặc thực hiện các dự án nghiên cứu khác.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

1.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	105 tín chỉ, trong đó:
- Các học phần tiến sĩ:	15 tín chỉ
+ Bắt buộc:	12 tín chỉ
+ Tự chọn:	3 tín chỉ /12 tín chỉ
- Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH:	6 tín chỉ
+ Chuyên đề tiến sĩ:	4 tín chỉ
+ Tiểu luận tổng quan:	2 tín chỉ
+ Nghiên cứu khoa học (<i>không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT</i>)	
- Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng, hỗ trợ đào tạo học (<i>không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT</i>)	
- Luận án tiến sĩ:	84 tín chỉ

1.2. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	136 tín chỉ, trong đó:
- Học phần bổ sung:	31 tín chỉ
+ Bắt buộc:	19 tín chỉ
+ Tự chọn:	12 tín chỉ/30 tín chỉ
- Các học phần tiến sĩ:	15 tín chỉ
+ Bắt buộc:	12 tín chỉ
+ Tự chọn:	3 tín chỉ/12 tín chỉ
- Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH:	6 tín chỉ
+ Chuyên đề tiến sĩ:	4 tín chỉ
+ Tiểu luận tổng quan:	2 tín chỉ
+ Nghiên cứu khoa học (<i>không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT</i>)	

- Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng, hỗ trợ đào tạo học (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT*)

- Luận án tiến sĩ:

84 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Các học phần tiên sĩ		15				
I.1	Các học phần bắt buộc		12				
1	PSY8019	Mô hình hóa và phân tích thống kê suy luận trong nghiên cứu tâm lý học <i>Modeling and inferential statistical analysis in psychology research</i>	3	30	30	90	
2	PSY8020	Thiết kế nghiên cứu định tính <i>Qualitative Research Design</i>	3	35	20	95	
3	PSY8021	Xây dựng khung nghiên cứu trong tâm lý học <i>Building a Research Framework in Psychology</i>	3	35	20	95	
4	PSY8022	Phương pháp nghiên cứu tài liệu và viết tổng quan nghiên cứu <i>Methods of literature research and writing of research's review</i>	3	30	30	90	
I.2	Các học phần tự chọn		3/12				
5	PSY8023	Viết và công bố bài báo khoa học <i>Writing and publishing a scientific paper</i>	3	30	30	90	
6	PSY8024	Xây dựng và đánh giá chương trình phòng ngừa các vấn đề sức khỏe tâm thần <i>Building and assessing mental health problem prevention programs</i>	3	40	10	100	
7	PSY8003	Những vấn đề nghiên cứu tâm lý học trong xã hội hiện đại <i>Psychological Research Issues</i>	3	40	10	100	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>in the Modern Society</i>					
8	PSY8005	Hành vi tổ chức trong thế giới đa văn hóa <i>Organization Behavior in multi-culture World</i>	3	40	10	100	
II	Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan, và NCKH		6				
II.1	Chuyên đề tiến sĩ		4				
9	PSY8025	Chuyên đề 1 <i>Special Topics 1</i>	2	0	0	100	
10	PSY8026	Chuyên đề 2 <i>Special Topics 2</i>	2	0	0	100	
II.2	Tiểu luận tổng quan		2				
11	PSY8027	Tổng quan về tình hình nghiên cứu <i>Overview of Literature</i>	2	0	0	100	
II.3	Nghiên cứu khoa học NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành theo quy định dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.						
III	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định.						
IV	Luận án tiến sĩ		84				
12	PSY9002	Luận án tiến sĩ <i>PhD Thesis</i>	84	0	0	4200	
Tổng cộng			105				

1.2. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Học phần bổ sung		31				
I.1	Các học phần bắt buộc		19				
1	PHI5002	Triết học	4	55	10	135	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>Philosophy</i>					
2	PSY6105	Đạo đức nghề tâm lý <i>Ethics of psychological profession</i>	3	40	10	100	
3	PSY6021	Thiết kế nghiên cứu trong tâm lý học <i>Research design in Psychology</i>	3	40	10	100	
4	PSY6028	Tâm lý học xuyên văn hóa <i>Cross Cultural Psychology</i>	3	40	10	100	
5	PSY6130	Tâm lý học tích cực <i>Positive Psychology</i>	3	40	10	100	
6	PSY6036	Tâm lý học quản lý nhân sự <i>Psychology in human resource management</i>	3	40	10	100	
I.2	Các học phần tự chọn		12/33				
7	PSY6022	Tâm lý học xã hội ứng dụng <i>Applied social psychology</i>	3	40	10	100	
8	PSY6138	Sự phát triển tư duy và ngôn ngữ trẻ em <i>The development of children's thinking and language</i>	3	40	10	100	
9	PSY6025	Tâm lý học tội phạm <i>Criminal Psychology</i>	3	40	10	100	
10	PSY6026	Kỹ năng tham vấn <i>Counseling skills</i>	3	40	10	100	
11	PSY6131	Động thái nhóm và lãnh đạo <i>Group Dynamics and Leadership</i>	3	40	10	100	
12	PSY6037	Tâm lý học Marketing <i>Psychology in Marketing</i>	3	40	10	100	
13	PSY6038	Tham vấn nguồn nhân lực <i>Human resource of counseling</i>	3	40	10	100	
14	PSY6132	Tham vấn bạo lực gia đình <i>Domestic Violence Counseling</i>	3	40	10	100	
15	PSY6136	Đánh giá trí tuệ <i>Intellectual Assessment</i>	3	40	10	100	
16	PSY6137	Đánh giá nhân cách <i>Personality Assessment</i>	3	40	10	100	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
17	PSY6024	Tâm lý học kinh tế <i>The Economic Psychology</i>	3	40	10	100	
II	Các học phần tiên sĩ		15				
II.1	Các học phần bắt buộc		12				
18	PSY8019	Mô hình hóa và phân tích thống kê suy luận trong nghiên cứu tâm lý học <i>Modeling and inferential statistical analysis in psychology research</i>	3	30	30	90	
19	PSY8020	Thiết kế nghiên cứu định tính <i>Qualitative Research Design</i>	3	35	20	95	
20	PSY8021	Xây dựng khung nghiên cứu trong tâm lý học <i>Building a Research Framework in Psychology</i>	3	35	20	95	
21	PSY8022	Phương pháp nghiên cứu tài liệu và viết tổng quan nghiên cứu <i>Methods of literature research and writing of research's review</i>	3	30	30	90	
II.2	Các học phần tự chọn		3/12				
22	PSY8023	Viết và công bố bài báo khoa học <i>Writing and publishing a scientific paper</i>	3	30	30	90	
23	PSY8024	Xây dựng và đánh giá chương trình phòng ngừa các vấn đề sức khỏe tâm thần <i>Building and assessing mental health problem prevention programs</i>	3	40	10	100	
24	PSY8003	Những vấn đề nghiên cứu tâm lý học trong xã hội hiện đại <i>Psychological Research Issues in the Modern Society</i>	3	40	10	100	
25	PSY8005	Hành vi tổ chức trong thế giới đa văn hóa <i>Organization Behavior in multi-culture World</i>	3	40	10	100	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
III	Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan, và NCKH		6				
III.1	Chuyên đề tiến sĩ		4				
26	PSY8025	Chuyên đề 1 <i>Special Topics 1</i>	2	0	0	100	
27	PSY8026	Chuyên đề 2 <i>Special Topics 2</i>	2	0	0	100	
III.2	Tiểu luận tổng quan		2				
28	PSY8027	Tổng quan về tình hình nghiên cứu <i>Overview of Literature</i>	2	0	0	100	
III.3	Nghiên cứu khoa học NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành theo quy định dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.						
IV	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định.						
V	Luận án		84				
29	PSY9002	Luận án tiến sĩ <i>PhD Thesis</i>	84	0	0	4200	
Tổng cộng			136				

Lưu ý: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lí thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá